

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 29/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	29209324959	Lại Trang Minh	Anh	05/02/2005	Quảng Nam	31CYC10	9.3	5.5	Đạt	
2	29214653332	Lê Hùng	Anh	01/05/2004	Đà Nẵng	31THT16	6.7	5.0	Đạt	
3	28204800332	Nguyễn Cao Nam	Anh	04/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	V	V	Không Đạt	
4	28208101888	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/11/2003	Đắk Lắk	31TBN13	7.3	5.0	Đạt	
5	28216803370	Phan Phước Tuấn	Anh	27/04/2004	Thừa Thiên H	31THT16	9.0	6.0	Đạt	
6	29207129665	Trần Thị Hoàng	Anh	01/04/2005	Đà Nẵng	31THT16	9.0	9.4	Đạt	
7	29206549425	Trần Thị Quỳnh	Anh	28/01/2005	Gia Lai	31THT16	9.3	6.0	Đạt	
8	28215105970	Trịnh Hoàng	Anh	09/08/2003	Thanh Hóa	31CBN10	8.0	3.3	Không Đạt	
9	28206506257	Trương Nhật Trinh	Anh	26/08/2004	Đắk Lắk	31THT16	8.0	4.1	Không Đạt	
10	29206534626	Cao Vi Bảo	Ánh	01/01/2005	Quảng Ngãi	31THT16	8.7	5.3	Đạt	
11	28215121177	Trương Duy	Bảo	28/05/2004	Đà Nẵng	31THT16	9.3	8.0	Đạt	
12	28212349679	Hồ Lê Hữu	Đức	01/03/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.7	5.0	Đạt	
13	28212300206	Lê Văn	Đức	26/06/2003	Gia Lai	31CBN10	8.7	9.1	Đạt	
14	28214352114	Nguyễn Quang	Đức	09/08/2004	Huế	31CYC10	7.3	6.0	Đạt	
15	28214141095	Trương Nguyên	Duy	14/06/2004	Quảng Nam	31THT16	9.0	7.0	Đạt	
16	28202701326	Đỗ Nhật	Duyên	07/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN10	9.7	6.9	Đạt	
17	28206700511	H-loai	Ênuôi	26/02/2003	Đắk Lắk	31CYC10	8.0	3.5	Không Đạt	
18	28204322931	Nguyễn Phan Thị Trà	Giang	23/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	8.0	3.8	Không Đạt	
19	28205101694	Phan Linh	Giang	02/11/2004	Quảng Bình	31THT16	9.7	5.0	Đạt	
20	29204759838	Phạm Thị Thu	Hà	12/11/2005	Hồ Chí Minh	31THT16	9.3	6.0	Đạt	
21	28204825587	Lữ Thụy Gia	Hân	02/11/2004	Bình Định	31CBN10	6.0	4.3	Không Đạt	
22	27204326930	Nguyễn Hoàng Minh	Hằng	11/06/2003	Đà Nẵng	31CBN10	7.3	7.0	Đạt	
23	28204604790	Phan Thị Ngọc	Hằng	05/04/2004	Hà Tĩnh	31TBN13	5.0	5.8	Đạt	
24	28215145096	Hoàng Hữu Anh	Hào	08/01/2004	Đà Nẵng	31CBN10	9.3	6.3	Đạt	
25	28214344699	Trần Văn	Hậu	04/08/2004	Quảng Nam	31THT16	9.3	6.5	Đạt	
26	29204858331	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	31/08/2005	Quảng Nam	31CYC10	8.0	8.8	Đạt	
27	28205151701	Trương Thị Mỹ	Hiền	26/04/2004	Quảng Nam	31THT16	9.7	3.6	Không Đạt	
28	28205204625	Lê Thị	Hoài	28/09/2004	Gia Lai	31THT14	5.7	4.0	Không Đạt	
29	28202751784	Trần Mỹ	Hoài	26/02/2004	Gia Lai	31CBN10	9.3	7.8	Đạt	
30	29206248755	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	20/04/2005	Đà Nẵng	31CBN10	9.7	8.8	Đạt	
31	27206548703	Bùi Thị Xuân	Hồng	16/11/2002	Quảng Nam	31TYC6	3.3	1.9	Không Đạt	
32	29208063759	Phan Thị	Huệ	26/07/2005	Đà Nẵng	31CBN10	8.0	8.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28206503693	Dương Thị Diệu	Hương	15/01/2004	Quảng Trị	31TBN15	7.3	4.5	Không Đạt	
34	29214355687	Lê Gia	Huy	28/06/2005	Gia Lai	31THT16	5.0	6.0	Đạt	
35	28206601479	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/07/2004	Quảng Bình	31THT16	6.3	5.8	Đạt	
36	28218131517	Nguyễn Hoàng	Lân	14/05/2004	Đà Nẵng	31TBN13	H	H	Không Đạt	
37	28204802872	Vũ Thùy	Linh	22/11/2004	Kon Tum	31CYC10	V	V	Không Đạt	
38	27211535711	Đình Thanh	Long	09/02/2003	Quảng Ngãi	31CYC10	V	V	Không Đạt	
39	28214605530	Trần Quang	Long	13/03/2004	Gia Lai	31CYC10	9.7	9.0	Đạt	
40	28214637190	Nguyễn Hữu	Lực	24/02/2004	Đà Nẵng	31THT14	8.0	2.5	Không Đạt	
41	28204306474	Trương Thị Thảo	Ly	14/08/2004	Quảng Nam	31CYC10	8.7	5.0	Đạt	
42	29208163014	H Mai	Miô	03/09/2005	Đắk Lắk	31CYC10	9.7	5.5	Đạt	
43	29206221348	H Phon	Miô	20/01/2004	Đắk Lắk	31TBN13	10.0	2.8	Không Đạt	
44	29206254332	Trần Thị Trà	My	01/05/2005	Kon Tum	31TBN13	8.3	3.5	Không Đạt	
45	28206521943	Ngô Thị Ngọc	Mỹ	29/06/2004	Huế	31THT16	10.0	5.0	Đạt	
46	28206500535	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	22/07/2004	Đắk Lắk	31TYC11	9.3	6.5	Đạt	
47	28207105121	Nguyễn Thị Thanh	Nga	21/01/2004	Bình Định	31TBN13	8.7	5.0	Đạt	
48	28204300635	Hồ Thị Kim	Ngọc	02/01/2004	Quảng Nam	31THT16	10.0	6.3	Đạt	
49	29206535937	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/10/2005	Thừa Thiên H	31CYC10	6.0	5.0	Đạt	
50	28214603201	Nguyễn Chánh	Nguyên	07/02/2004	Bình Định	31THT16	10.0	9.8	Đạt	
51	29208121712	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	03/06/2005	Đà Nẵng	31CBN10	9.7	5.5	Đạt	
52	27211329208	Nguyễn Trung	Nguyên	02/09/2003	Kon Tum	31THT16	9.3	4.0	Không Đạt	
53	28212351822	Phan Đình	Nguyên	16/12/2003	Quảng Nam	31CBN10	8.7	6.8	Đạt	
54	27217001767	Hồ Hữu	Nhân	20/04/2003	Thanh Hóa	31CHT8	6.7	5.5	Đạt	
55	28214642985	Lê Thị Phương	Nhi	17/03/2004	Quảng Trị	31TSC5	7.0	5.0	Đạt	
56	29206539877	Phạm Yến	Nhi	04/03/2005	Quảng Ngãi	31THT16	9.3	8.0	Đạt	
57	28204302202	Trần Thị Yến	Nhi	13/09/2004	Quảng Nam	31CYC10	8.0	5.3	Đạt	
58	28215105754	A Na	Nhon	24/03/2004	Kon Tum	31THT16	6.0	6.3	Đạt	
59	28204903707	Trương Thị	Nhur	30/11/2004	Quảng Nam	31THT16	7.0	3.0	Không Đạt	
60	28205203459	H Bất Thi	Niê	27/03/2003	Đắk Lắk	31CYC10	9.7	6.3	Đạt	
61	27218631380	Hoàng Khang	Ninh	12/10/2003	Đà Nẵng	31SBN8	10.0	7.0	Đạt	
62	28206200094	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	21/10/2004	Kon Tum	31CYC10	7.0	1.8	Không Đạt	
63	28215121100	Trần Hữu	Phước	11/12/2004	Quảng Ngãi	31CYC10	9.0	5.5	Đạt	
64	28209036957	Trần Ngọc Tố	Phương	10/10/2004	Đà Nẵng	31CBN10	7.0	6.5	Đạt	
65	29206241205	Hoàng Thị	Phượng	11/02/2004	Nghệ An	31TBN14	V	V	Không Đạt	
66	28204354970	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/08/2004	Nghệ An	31CYC10	5.7	4.5	Không Đạt	
67	28204848027	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/05/2004	Đà Nẵng	31CBN10	8.7	8.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204640133	Phạm Thị Như	Quỳnh	04/08/2004	Nghệ An	31TYC7	9.7	6.5	Đạt	
69	29206548874	Chung Thị Thu	Sang	21/09/2005	Quảng Ngãi	31THT16	10.0	9.3	Đạt	
70	28217530348	Nguyễn Đình	Tài	30/05/2004	Đắk Nông	31CBN10	7.7	6.5	Đạt	
71	28212349286	Trịnh Duy	Tài	28/05/2004	Đà Nẵng	31CBN10	7.7	5.0	Đạt	
72	29206126152	Trần Thị Ngọc	Tâm	25/05/2005	Đà Nẵng	31THT16	6.7	6.3	Đạt	
73	29206549016	Nguyễn Thị Như	Thắm	26/06/2005	Đắk Nông	31CYC10	7.3	6.0	Đạt	
74	28218103106	Đàm Chu Minh	Thắng	29/12/2004	Lâm Đồng	31THT16	7.3	8.5	Đạt	
75	28218100129	Trần Nguyễn Hữu	Thắng	15/01/2004	Quảng Nam	31THT16	9.3	7.8	Đạt	
76	28204852856	Trần Thị Thu	Thanh	24/10/2004	Đà Nẵng	31CBN10	7.3	3.5	Không Đạt	
77	27203349975	Hồ Thị Phương	Thảo	09/09/2003	Đắk Lắk	30SHT6	8.0	V	Không Đạt	
78	28206503344	Nguyễn Thị	Thảo	19/02/2004	Quảng Nam	31SBN1	6.7	5.4	Đạt	
79	28212349606	Nguyễn Anh	Thiên	04/12/2004	Phú Yên	31CBN10	4.7	4.2	Không Đạt	
80	28206604968	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	31/07/2004	Quảng Nam	31TBN5	8.7	5.0	Đạt	
81	28204601625	Lâm Anh	Thư	15/06/2004	Đà Nẵng	31CYC10	7.7	2.5	Không Đạt	
82	28204946001	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/10/2004	Quảng Nam	31TBN2	9.0	2.4	Không Đạt	
83	29205257119	Trần Đoàn Minh	Thư	29/03/2005	Quảng Ngãi	31CYC10	8.0	4.3	Không Đạt	
84	28206225387	Võ Thị Anh	Thư	15/06/2004	Đà Nẵng	31CYC10	10.0	7.5	Đạt	
85	28205227655	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	15/09/2004	Đà Nẵng	31THT4	8.3	5.5	Đạt	
86	28205223210	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	11/06/2004	Quảng Ngãi	31CYC10	9.7	6.0	Đạt	
87	28204600738	Nguyễn Thị Bích	Thúy	22/10/2004	Quảng Ngãi	31THT16	8.0	10.0	Đạt	
88	28208147015	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	30/11/2004	Quảng Nam	31TBN13	7.3	5.0	Đạt	
89	28207203203	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	19/08/2004	Quảng Ngãi	31CSC3	5.0	3.8	Không Đạt	
90	29205261923	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	18/10/2005	Quảng Ngãi	31CYC10	9.0	5.8	Đạt	
91	29206141369	Phan Thị Bích	Tiền	16/01/2005	Phú Yên	31THT16	9.7	6.5	Đạt	
92	28202706589	Lê Bá Quỳnh	Trâm	02/05/2004	Đà Nẵng	31CBN10	8.0	6.3	Đạt	
93	28209303763	Nguyễn Lê Cát	Trân	17/03/2004	Huế	31CYC10	9.7	5.0	Đạt	
94	28207506633	Nguyễn Quế	Trân	09/03/2004	Thanh Hóa	31CYC10	4.7	1.9	Không Đạt	
95	27214336320	Nguyễn Thùy Huyền	Trân	30/11/2003	Đà Nẵng	31CBN10	5.7	5.0	Đạt	
96	28205105231	Phạm Đào Huyền	Trân	12/06/2004	Kon Tum	31CBN10	9.0	5.3	Đạt	
97	28208154662	Đinh Thị Thùy	Trang	02/08/2004	Đà Nẵng	31TBN13	9.7	5.9	Đạt	
98	28204603616	Dương Thị Huyền	Trang	30/01/2004	Quảng Bình	31TSC7	3.0	4.1	Không Đạt	
99	29206760734	Lê Thị Thùy	Tranh	07/02/2004	Quảng Trị	31THT16	8.7	7.0	Đạt	
100	27211339990	Lê Văn	Trí	24/11/2003	Quảng Nam	31THT2	7.7	6.5	Đạt	
101	27204334382	Huỳnh Ngọc Như	Trình	04/01/2003	Quảng Ngãi	31CBN10	9.0	5.8	Đạt	
102	29204635949	Mai Thị Tô	Trình	11/10/2005	Quảng Nam	31THT16	9.0	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	27217144200	Nguyễn Công	Tú	24/12/2003	Quảng Trị	31CSC4	8.7	6.5	Đạt	
104	28204605765	Nguyễn Ngọc Thanh	Tú	03/08/2004	Đà Nẵng	31THT7	5.0	4.0	Không Đạt	
105	28214647888	Dương Văn	Tuấn	25/01/2004	Quảng Bình	31THT16	8.0	8.5	Đạt	
106	29212362989	Mai Xuân	Tươi	05/12/2005	Đà Nẵng	31CYC10	6.3	7.0	Đạt	
107	28205100661	Văn Thị	Tuyên	06/07/2004	Đà Nẵng	31THT16	6.3	6.9	Đạt	
108	28204754747	Trần Thị Như	Uyên	27/03/2004	Quảng Nam	31TBN4	8.0	6.3	Đạt	
109	28214323596	Lê Quang	Vinh	01/01/2004	Hà Tĩnh	31CYC10	8.7	7.5	Đạt	
110	28212140391	Trần Ngọc	Vỹ	24/10/2004	Quảng Nam	31CBN10	10.0	5.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh